

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 12 năm 2015

**NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 16/TTr-HĐND ngày 7 tháng 12 năm 2015 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Chương trình xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2016 như sau:

1. Các nghị quyết thường kỳ

- 1.1. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2016;
- 1.2. Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;
- 1.3. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2017;
- 1.4. Về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2017;
- 1.5. Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2015;
- 1.6. Danh mục dự án cần thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 của tỉnh Quảng Ngãi;
- 1.7. Chương trình xây dựng nghị quyết năm 2017 của HĐND tỉnh;
- 1.8. Chương trình giám sát năm 2017 của HĐND tỉnh.

2. Các nghị quyết triển khai thực hiện các kết luận, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX

3. Các nghị quyết chuyên đề

- 3.1. Quyết định kế hoạch đầu tư công 05 năm 2016 – 2020;
- 3.2. Kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2016-2020;

3.3. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

3.4. Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

3.5. Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương;

3.6. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương;

3.7. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.8. Đề án phát triển giao thông nông thôn, thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020;

3.9. Đề án Kiên cố hoá kênh mương, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020;

3.10. Đề án thành lập thị xã Đức Phổ thuộc tỉnh Quảng Ngãi;

3.11. Đề án về bố trí công tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.12. Đề án bảo đảm tài chính cho chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020;

3.13. Về đặt tên một số tuyến đường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.14. Giao biên chế công chức trong cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

3.15. Phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Ngãi;

3.16. Đề án phân loại thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng đạt tiêu chuẩn đô thị loại V;

3.17. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

3.18. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy định số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với lực lượng bảo vệ dân phố ở phường, thị trấn có bố trí lực lượng Công an chính quy;

3.19. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Quảng Ngãi;

3.20. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 10/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh về việc thông qua chính sách hỗ trợ khuyến khích thực hiện chủ trương “đón điền đổi thửa” đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013 – 2020;

3.21. Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho xã đạt chuẩn nông thôn mới ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 (*thay thế Nghị quyết số 31/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh*);

3.22. Chương trình mục tiêu việc làm tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020;

3.23. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025;

3.24. Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

3.25. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng đến năm 2020 (*thay thế Nghị quyết số 23/2009/NQ-HĐND ngày 10/12/2009 và Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND ngày 10/12/2013 của HĐND tỉnh*);

3.26. Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

3.27. Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035 (*thay thế Nghị quyết số 25/2011/NQ-HĐND ngày 27/10/2011 của HĐND tỉnh*);

3.28. Quy hoạch quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước (nước mặt và nước dưới đất) tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

3.29. Đồ án Quy hoạch cấp nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030;

3.30. Đồ án Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030;

3.31. Quy định mức thu phí trông giữ xe ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp trên địa bàn tỉnh (*thay thế Nghị quyết số 60/2008/NQ-HĐND ngày 16/12/2008 của HĐND tỉnh*);

3.32. Quy định mức thu phí thăm định đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 38/2008/NQ-HĐND ngày 11/7/2008 của HĐND tỉnh*);

3.33. Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và đối với trường đại học, cao đẳng thuộc tỉnh quản lý (*thay thế Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 và Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 của HĐND tỉnh*);

3.34. Quy định mức thu học phí đối với các trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề công lập thuộc tỉnh quản lý (*thay thế Nghị quyết số 15/2013/NQ-HĐND ngày 10/7/2013 của HĐND tỉnh*);

3.35. Quy định mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 37/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh*);

3.36. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (*thay thế Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 22/4/2015 của HĐND tỉnh*);

3.37. Phí tham quan Khu chứng tích Sơn Mỹ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, UBND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2016; phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp để chuẩn bị tờ trình, đề án và dự thảo nghị quyết đúng quy định, đảm bảo chất lượng và thời gian.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh theo dõi, thẩm tra tờ trình, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp cần điều chỉnh chương trình xây dựng nghị quyết, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2015, tại kỳ họp thứ 18./.

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ